

TT < 0015 - 0801 >

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2404/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 15 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ cho học viên Cao học
khóa XXVI (2018-2020) (đợt 1)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ văn bản hợp nhất số 42/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hợp nhất Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ ngày 29 tháng 3 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc giao nhiệm vụ đào tạo cán bộ trên đại học cho Trường ĐHSP Vinh (nay là Trường Đại học Vinh);

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ tại Cơ sở đào tạo sau đại học Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-ĐHV ngày 03/05/2018, Quyết định số 2233/QĐ-ĐHV ngày 28/09/2018, Quyết định số 2500/QĐ-ĐHV ngày 17/10/2018 và Quyết định số 2545/QĐ-ĐHV ngày 23/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc công nhận trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh khóa XXVI (2018-2020);

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng xét tốt nghiệp Cao học đợt 1 năm 2020;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau đại học,

788 < 0004425 - 000524 >

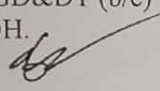
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ cho 787 học viên cao học khóa XXVI (2018– 2020) của Trường Đại học Vinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng phòng Công tác chính trị học sinh- sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
 - Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (b/c)
 - Lưu: HCTH, SĐH.
- 

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXVI (2018-2020)

ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 2404 /QĐ-ĐHY ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCTL	TBC	LV	Chuyên ngành	Ghi chú
✓ 1	18831020110005	Nguyễn Hân	16/10/1986	46	7.78	8.30	Chính trị học	
✓ 2	18831020110001	Phạm Đức Cường	30/10/1970	46	7.98	8.50	Chính trị học	
✓ 3	18831020110052	Nguyễn Thị Hải	09/01/1973	46	8.17	9.00	Chính trị học	
✓ 4	18831020110010	Võ Thị Như Hiền	06/02/1986	46	8.11	9.00	Chính trị học	
✓ 5	18831020110045	Hồ Viết Hoàng	06/10/1980	46	8.14	9.00	Chính trị học	
✓ 6	18831020110046	Nguyễn Huy Hoàng	12/08/1984	46	8.2	8.90	Chính trị học	
✓ 7	18831020110075	Kidat Keointhavong	11/03/1995	43	7.62	8.50	Chính trị học	Miễn NN
✓ 8	18831020110114	Nguyễn Đăng Khoa	02/05/1979	46	8.4	8.80	Chính trị học	
✓ 9	18831020110009	Trương Thị Lan	02/05/1986	46	8.13	9.00	Chính trị học	
✓ 10	18831020110072	Vanhnalack Linthasone	03/10/1993	43	7.21	8.40	Chính trị học	Miễn NN
✓ 11	18831020110004	Trần Văn Long	06/10/1989	46	8.24	9.30	Chính trị học	
✓ 12	18831020110050	Trần Thị Lương	07/11/1980	46	8.7	9.00	Chính trị học	
✓ 13	18831020110047	Dương Thị Khánh Ly	19/11/1996	43	8.2	8.70	Chính trị học	Miễn NN
✓ 14	18831020110007	Vũ Quang Minh	22/12/1976	46	8.48	9.00	Chính trị học	
✓ 15	18831020110006	Nguyễn Quốc Nhật	10/08/1984	46	7.56	8.30	Chính trị học	
✓ 16	18831020110002	Nguyễn Xuân Phong	30/10/1978	46	8.17	8.90	Chính trị học	
✓ 17	18831020110074	Chalana Phonstila	25/05/1993	43	7.09	8.00	Chính trị học	Miễn NN
✓ 18	18831020110042	Inthavong Phouthone	09/12/1980	43	7.49	8.00	Chính trị học	Miễn NN
✓ 19	18831020110003	Trần Thị Thúy Phương	23/05/1980	43	8.2	8.80	Chính trị học	Miễn NN

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCTL	TBC	LV	Chuyên ngành	Ghi chú
176	18822901310003	Nguyễn Thị Luyến	04/01/1985	46	8.28	8.90	Lịch sử Việt Nam	
177	18822901310004	Trần Thị Thanh Nhân	16/10/1982	46	8.23	8.80	Lịch sử Việt Nam	
178	18822901310002	Trần Thị Hồng Nhung	05/10/1984	46	8.01	8.80	Lịch sử Việt Nam	
179	18822901310008	Trần Thị Kim Phương	12/02/1977	43	7.97	8.50	Lịch sử Việt Nam	Miễn NN
180	18822901310005	Lê Khắc Thái	05/11/1975	46	8.06	8.90	Lịch sử Việt Nam	
181	188140111810073	Lê Thanh Đồng	25/10/1970	45	8.03	9.0	Giáo dục thể chất	
182	18814010110001	Trương Công Thắng	16/04/1977	42	8.62	9.0	Giáo dục thể chất	Miễn NN
183	188140111810078	Mai Đức Trọng	19/05/1979	45	7.55	8.7	Giáo dục thể chất	
184	18862011010009	Uông Thị Kim Dung	12/07/1981	45	7.79	8.40	Khoa học cây trồng	
185	18862011010015	Nguyễn Việt Dũng	11/01/1994	45	7.27	8.60	Khoa học cây trồng	
186	18862011010004	Trần Thị Hải	18/08/1990	45	7.72	8.10	Khoa học cây trồng	
187	18862011010006	Nguyễn Sỹ Hùng	02/06/1977	45	7.75	8.40	Khoa học cây trồng	
188	18862011010011	Thozuana Kao	13/05/1983	42	6.81	7.50	Khoa học cây trồng	Miễn NN
189	18862011010001	Dương Thị Khánh Ly	08/05/1994	45	7.85	8.20	Khoa học cây trồng	
190	18862011010012	Nguyễn Thị Ngọc	10/10/1986	45	8.31	8.70	Khoa học cây trồng	
191	18862011010010	Boualaphan PHAMEE	26/03/1995	42	7.04	7.60	Khoa học cây trồng	Miễn NN
192	18862011010008	Nguyễn Đức Phú	04/02/1988	45	7.32	7.90	Khoa học cây trồng	
193	18862011010016	Lê Văn Quốc	02/03/1995	42	7.69	7.90	Khoa học cây trồng	Miễn NN
194	18862011010005	Nguyễn Văn Sơn	20/05/1987	45	7.75	8.10	Khoa học cây trồng	
195	18862011010017	Trần Thị Thắm	18/07/1986	45	8.25	8.70	Khoa học cây trồng	
196	18862011010003	Phạm Tấn Thắng	03/02/1983	45	7.29	7.90	Khoa học cây trồng	
197	18862011010014	Hồ Hữu Thuận	18/01/1994	45	7.6	8.30	Khoa học cây trồng	
198	18862011010002	Nguyễn Thị Minh Thủy	07/07/1992	45	8.15	8.40	Khoa học cây trồng	
199	18862011010013	Đặng Thùy Trang	27/08/1994	45	7.47	8.50	Khoa học cây trồng	
200	18862011010018	Đinh Thị Trang	17/10/1985	45	8.18	8.70	Khoa học cây trồng	
201	18862011010007	Lương Anh Tuấn	22/11/1976	45	7.49	7.80	Khoa học cây trồng	

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCTL	TBC	LV	Chuyên ngành	Ghi chú
202	176062011010018	Bùi Trọng Đình	06/07/1985	45	7.61	8.00	Khoa học cây trồng	
203	18862030110007	Lê Tuấn Anh	01/02/1984	45	7.79	8.20	Nuôi trồng thủy sản	
204	18862030110005	Đoàn Quốc Hưng	04/01/1990	45	7.33	8.30	Nuôi trồng thủy sản	
205	18862030110001	Nguyễn Văn Khang	03/09/1993	45	7.47	7.70	Nuôi trồng thủy sản	
206	18862030110008	Trần Văn Phương	22/09/1981	45	7.67	8.20	Nuôi trồng thủy sản	
207	18862030110002	Võ Thị Thịnh	06/11/1987	45	8.13	8.30	Nuôi trồng thủy sản	
208	18862030110006	Lê Anh Tường	04/08/1973	45	8.16	9.10	Nuôi trồng thủy sản	
209	18831010210010	Trần Đức Anh	08/07/1991	46	7.63	8.4	Kinh tế chính trị	
210	18831010210018	Hoàng Ngọc Bảo	09/06/1995	43	7.25	7.8	Kinh tế chính trị	Miền NN
211	18831010210031	Hoàng Thùy Bắc	20/08/1978	46	8.04	8.8	Kinh tế chính trị	
212	18831010210034	Nguyễn Cao Bắc	04/10/1985	46	7.97	7.8	Kinh tế chính trị	
213	18831010210005	Nguyễn Đình Cảnh	05/07/1989	46	7.92	8.3	Kinh tế chính trị	
214	18831010210041	Nguyễn Thế Cường	20/03/1979	46	7.77	8.5	Kinh tế chính trị	
215	18831010210008	Nguyễn Thị Mỹ Dung	30/04/1987	43	7.69	8.4	Kinh tế chính trị	Miền NN
216	18831010210017	Nguyễn Cảnh Dương	12/11/1984	46	7.87	8.5	Kinh tế chính trị	
217	18831010210024	Võ Phương Đông	03/02/1996	43	7.95	8.5	Kinh tế chính trị	Miền NN
218	18831010210011	Nguyễn Ngọc Đức	14/02/1981	43	7.7	8.4	Kinh tế chính trị	Miền NN
219	18831010210002	Trần Minh Hạnh	14/10/1995	46	8.06	8.8	Kinh tế chính trị	
220	18831010210027	Phan Thị Hằng	20/09/1980	46	7.96	8.5	Kinh tế chính trị	
221	18831010210038	Nguyễn Thị Hồng	30/09/1979	43	8.14	9.0	Kinh tế chính trị	Miền NN
222	18831010210013	Hoàng Sỹ Hùng	05/06/1978	46	7.7	9.5	Kinh tế chính trị	
223	18831010210023	Trần Hùng	09/12/1987	46	8.27	9.0	Kinh tế chính trị	
224	18831010210004	Nguyễn Quốc Huy	13/08/1989	46	7.41	7.9	Kinh tế chính trị	
225	18831010210014	Thái Diệu Hương	29/11/1984	46	7.98	8.5	Kinh tế chính trị	
226	18831010210021	Nguyễn Phạm Tuấn Kiệt	06/04/1995	43	7.42	8.0	Kinh tế chính trị	
227	18831010210009	Hoàng Lân	16/10/1975	46	7.78	8.3	Kinh tế chính trị	

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Số TC/TL	TBC	LV	Chuyên ngành	Ghi chú
774	188140101210014	Lê Thị Thanh	23/12/1977	46	8.55	8.80	Giáo dục học bậc Mầm non	✓
775	188140101210019	Vũ Thị Hải	13/05/1977	46	8.47	8.70	Giáo dục học bậc Mầm non	✓
776	18831020110076	Nguyễn Hoài	23/01/1982	46	8.09	8.5	Chính trị học	✓
777	18831020110077	Cao Văn	10/06/1987	46	8.17	8.7	Chính trị học	✓
778	18831020110078	Phạm Thị Hồng	04/03/1993	46	8.26	8.8	Chính trị học	✓
779	18831020110079	Nguyễn Thị Kim	29/10/1991	46	8.51	8.8	Chính trị học	✓
780	18831020110080	Lê Trúc	27/02/1995	46	8.12	8.8	Chính trị học	✓
781	18831020110087	Chau Phi	08/12/1977	46	8.09	9.0	Chính trị học	✓
782	18831020110082	Hồ Hoàng	14/08/1986	46	8.71	9.0	Chính trị học	✓
783	18831020110083	Nguyễn Thị Lê	04/03/1991	46	8.23	8.9	Chính trị học	✓
784	18831020110084	Đặng Khoa	16/08/1987	46	8.26	9.0	Chính trị học	✓
785	18831020110085	Chau Thị Thu	1985	46	8.62	8.9	Chính trị học	✓
786	18831020110086	Bùi Thị Cẩm	1981	46	8.33	8.7	Chính trị học	✓
787	18831020110081	Trần Phong	22/04/1976	43	8.82	8.9	Chính trị học	Miền NN

Danh sách gồm 787 học viên được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng./.